

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ, bãi sông;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 177, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 177 xã Thiết Ống, huyện Bá Thước”;

Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 177, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;

Căn cứ Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 177, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước của Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ;

Xét Đơn đề ngày 18/11/2024 kèm hồ sơ của Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 96/TTr-STNMT ngày 22/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ (Mã số Doanh nghiệp: 2800950501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/3/2018, địa chỉ: Nhà ông Lê Trí Kỳ, khu phố 3, thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát số 177, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ 19.000 m² được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, 3, 4, 5 và 6 có toạ độ xác định tại Phụ lục số 01 và trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

- Mức sâu khai thác thấp nhất: + 39,7 m.

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 54.974 m³, trong đó:

+ Cát đen (cát xây trát) là 40.641 m³.

+ Cát vàng (cát bê tông) là 12.940 m³.

+ Khoáng sản đi kèm: sỏi, cuội là 1.393 m³.

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 54.974 m³, trong đó:

+ Cát đen (cát xây trát) là 40.641 m³.

+ Cát vàng (cát bê tông) là 12.940 m³.

+ Khoáng sản đi kèm: sỏi, cuội là 1.393 m³.

- Trữ lượng khai thác: 54.324 m³.

- Công suất khai thác (ở trạng thái tự nhiên): 8.000 m³/năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 07 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 02 tháng.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan và các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

b) Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

c) Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện và hoàn thành thủ tục thuê đất khu vực mỏ theo quy định; phải hoàn thành việc lắp trạm cân, các thiết bị giám sát theo đúng quy định của pháp luật; Lập phương án đảm bảo giao thông đường thủy nội địa trình Sở Giao thông vận tải chấp thuận theo quy định; tàu thuyền để hút cát và vận chuyển cát phải được đăng ký, đăng kiểm đảm bảo theo quy định; thực hiện việc báo cáo công suất, trữ lượng khai thác với cơ quan chức năng theo quy định; hàng ngày làm việc, thực hiện kết nối, truyền thông tin và cung cấp giá bán vật liệu với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, để công bố công khai trên Website do Sở Tài chính quản lý.

d) Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

đ) Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; Chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về kê khai, nộp thuế đúng, đủ sản lượng được cấp phép; kê khai giá, niêm yết, công khai giá bán vật liệu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) tại mỏ

theo quy định; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thị xã, thành phố, chủ đầu tư các dự án để cung cấp báo giá (giá bán tại mỏ) phục vụ việc lập dự án đầu tư theo quy định; không được từ chối, gây khó khăn trong việc cung cấp giá bán khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

f) Tuyệt đối không găm hàng, tích trữ, đầu cơ, nâng giá, ép giá, bán với giá cao hơn mức giá (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) đã kê khai giá được niêm yết, công bố gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và Nhân dân; thực hiện việc suât hóa đơn giá trị gia tăng đầy đủ, đúng giá bán cho người dân, doanh nghiệp.

i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm việc kê khai giá bán không đúng thực tế, vi phạm các quy định trong hoạt động khai thác, chế biến và vận chuyển khoáng sản.

k) Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

m) Thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan trong việc khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các vi phạm trong quá trình khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ nêu trên.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Bá Thước và các đơn vị có liên quan căn cứ quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tại các văn bản có liên quan, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giải quyết kịp thời những vấn đề có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ cát nêu trên của Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; trường hợp có dấu hiệu về hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản phải yêu cầu dừng ngay, để khắc phục, giải quyết kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép

này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Các Sở: TN&MT, XD, GTVT, NN&PTNT
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- UBND huyện Bá Thước;
- UBND xã Thiết Ống, huyện Bá Thước;
- Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THƯỜNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT SỐ 177, XÃ THIẾT ỚNG,
HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND ngày
tháng năm 2025 của Ủy ban nhân tỉnh Thanh Hóa)*

Khu vực khai thác	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
		Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Diện tích khu vực mỏ 19.000 m²	1	2244 846,13	518 949,80
	2	2244 838,56	519 127,34
	3	2244 851,56	519 197,22
	4	2244 938,06	519 160,70
	5	2244 926,66	519 000,80
	6	2244 904,07	518 970,74